

Thứ          ngày          tháng          năm 20

**Môn : Toán****BÀI 50 : PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 7.****I. Mục tiêu :** Học sinh được: Tiếp tục củng cố khắc sâu khái niệm về phép trừ.

- Tự thành lập và ghi nhớ bảng trừ trong phạm vi 7.
- Thực hành tính trừ đúng trong phạm vi 7.
- Tập biểu thị tranh bằng phép trừ thích hợp.

**Đồ dùng dạy học:** Bộ đồ dùng toán 1, VBT, SGK, bảng ... .

- Các mô hình phù hợp để minh họa phép cộng trong phạm vi 7.

**III. Các hoạt động dạy học :**

Hoạt động GV	Hoạt động HS
<p>1. <b>KTBC</b> : Hỏi tên bài. Gọi học sinh nộp vở. Gọi học sinh lên bảng làm bài tập. Gọi học sinh nêu bảng cộng trong phạm vi 7. Nhận xét KTBC.</p> <p>2. <b>Bài mới</b> : GT bài ghi tựa bài học. ➤ Hướng dẫn học sinh thành lập và ghi nhớ bảng trừ trong phạm vi 7.</p> <p><b>Bước 1:</b> Hướng dẫn học sinh thành lập công thức <math>7 - 1 = 6</math> và <math>7 - 6 = 1</math> + Hướng dẫn học sinh quan sát mô hình đính trên bảng và trả lời câu hỏi: Giáo viên đính lên bảng 6 tam giác và hỏi: Có mấy tam giác trên bảng? Có 7 tam giác, bớt đi 1 tam giác. Còn mấy tam giác? Làm thế nào để biết còn 6 tam giác? Cho cài phép tính <math>7 - 1 = 6</math>. Giáo viên nhận xét toàn lớp. GV viết công thức : <math>7 - 1 = 6</math> trên bảng và cho học sinh đọc. + Cho học sinh thực hiện mô hình que tính trên bảng cài để rút ra nhận xét: 7 que tính bớt 6 que tính còn 1 que tính. Cho học sinh cài bản cài <math>7 - 6 = 1</math> GV viết công thức lên bảng: <math>7 - 6 = 1</math> rồi gọi học sinh đọc. Sau đó cho học sinh đọc lại 2 công thức: <math>7 - 1 = 6</math> và <math>7 - 6 = 1</math></p> <p><b>Bước 2:</b> Hướng dẫn học sinh thành lập các công thức còn lại: <math>7 - 2 = 5</math> ; <math>7 - 5 = 2</math> ; <math>7 - 3 = 4</math> ; <math>7 - 4 = 3</math> tương tự như</p>	<p>Học sinh nêu: Phép cộng trong phạm vi 7. Tổ 4 nộp vở. Tính: <math>5 + 1 + 1 =</math>          ,          <math>3 + 3 + 1 =</math> <math>4 + 2 + 1 =</math>          ,          <math>3 + 2 + 2 =</math></p> <p>HS nhắc tựa.</p> <p>Học sinh QS trả lời câu hỏi.</p> <p>7 tam giác. Học sinh nêu: 7 hình tam giác bớt 1 hình tam giác còn 6 hình tam giác. Làm tính trừ, lấy bảy trừ một bằng sáu. <math>7 - 1 = 6</math>.</p> <p>Vài học sinh đọc lại <math>7 - 1 = 6</math>.</p> <p>Học sinh thực hiện bảng cài của mình trên que tính và rút ra: <math>7 - 6 = 1</math></p> <p>Vài em đọc lại công thức. <math>7 - 1 = 6</math> <math>7 - 6 = 1</math>, gọi vài em đọc lại, nhóm đồng thanh.</p>

trên.

**Bước 3:** Hướng dẫn học sinh bước đầu ghi nhớ bảng trừ trong phạm vi 7 và cho học sinh đọc lại bảng trừ.

**Hướng dẫn luyện tập:**

**Bài 1:** Học sinh nêu YC bài tập.

GV hướng dẫn học sinh sử dụng bảng trừ trong phạm vi 7 để tìm ra kết quả của phép tính. Cần lưu ý học sinh viết các số phải thật thẳng cột.

**Bài 2:** Học sinh nêu YC bài tập.

Cho học sinh tìm kết quả của phép tính (tính nhẩm), rồi đọc kết quả bài làm của mình theo từng cột.

**Bài 3:** Học sinh nêu YC bài tập.

GV cho Học sinh nhắc lại cách tính giá trị của biểu thức số có dạng trong bài tập như:  $7 - 3 - 2$  thì phải lấy  $7 - 3$  trước, được bao nhiêu trừ tiếp đi 2.

Cho học sinh làm bài và chữa bài trên bảng lớp.

**Bài 4:** Hướng dẫn học sinh xem tranh rồi đặt đề toán tương ứng.

Cho học sinh giải vào tập. Gọi học sinh lên bảng chữa bài.

**4. Củng cố – dặn dò:** Hỏi tên bài. **Nêu trò chơi:** Tiếp sức. **Mục đích:** Giúp học sinh nhớ bảng trừ trong phạm vi 7.

Rèn luyện tính nhanh nhẹn, tinh thần đồng đội. Chuẩn bị 2 bảng giấy ghi các phép tính và 2 bút màu.

**Cách chơi:** Phân 2 dãy bàn trong lớp học, một dãy bàn là 1 đội. GV treo sẵn 2 bảng giấy lên bảng. Sau khi nghe hiệu lệnh của người quản trò chơi, các thành viên của mỗi đội sẽ dùng bút ghi kết quả của phép tính. Từng người ghi xong sẽ chuyền bút cho người khác ghi tiếp.

**Luật chơi:** Mỗi người chỉ ghi kết quả của 1 phép tính. Đội nào ghi nhanh và đúng sẽ thắng. Giáo viên nhận xét trò chơi.

Gọi học sinh xung phong đọc thuộc bảng trừ trong phạm vi 7.

Nhận xét, tuyên dương

**5. Dặn dò:** Về nhà làm bài tập ở VBT, học bài, xem bài mới.

Học sinh nêu:

$$7 - 1 = 6 \quad , \quad 7 - 6 = 1$$

$$7 - 2 = 5 \quad , \quad 7 - 5 = 2$$

$$7 - 3 = 4 \quad , \quad 7 - 4 = 3$$

Học sinh đọc lại bảng trừ vài em, nhóm.

Học sinh thực hiện theo cột dọc ở VBT và nêu kết quả.

Học sinh làm miệng và nêu kết quả:

Học sinh khác nhận xét.

$$7 - 3 - 2 = 2, \quad 7 - 6 - 1 = 0, \quad 7 - 4 - 2 = 1$$

$$7 - 5 - 1 = 1, \quad 7 - 2 - 3 = 2, \quad 7 - 4 - 3 = 0$$

Học sinh làm phiếu học tập.

Học sinh chữa bài trên bảng lớp.

Học sinh khác nhận xét bạn làm.

a) Có 7 quả cam, bé lấy 2 quả. Hỏi còn mấy quả cam?

b) Có 7 bong bóng, thả bay 3 bong bóng. Hỏi còn mấy bong bóng?

Học sinh giải:

$$7 - 2 = 5 \text{ (quả cam)}$$

$$7 - 3 = 4 \text{ (bong bóng)}$$

Học sinh nêu tên bài

Đại diện 2 nhóm chơi trò chơi.

Các bạn khác vỗ tay cổ vũ cho nhóm mình.

Học sinh xung phong đọc.

Học sinh lắng nghe.

Thứ            ngày            tháng            năm 20

**Môn : Mĩ Thuật**

**BÀI 13 : VẼ CÁ**

**I. Mục tiêu :**

- Giúp HS hiểu được hình dáng, màu sắc và các bộ phận của con cá.
- Biết cách vẽ con cá, vẽ được con cá và tô màu theo ý thích.
- Giáo dục óc thẩm mỹ, yêu thích môn vẽ.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Tranh vẽ về các loại cá.
- Hình pháp hoạ hướng dẫn học sinh vẽ con cá.
- Học sinh : Bút, tẩy, màu ...

**III. Các hoạt động dạy học :**

Hoạt động GV	Hoạt động HS
<p>1. <u>KTBC</u> :</p> <p>Kiểm tra đồ dùng học tập của các em.</p> <p>2. <u>Bài mới</u> :</p> <p>Qua tranh giới thiệu bài và ghi tựa. Giới thiệu các loại cá. GV hỏi :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Con cá có dạng hình gì?</li> <li>+ Con cá gồm các bộ phận nào?</li> <li>+ Màu sắc của cá như thế nào?</li> </ul> <p>Yêu cầu học sinh kể một vài loại cá mà em biết.</p> <p><u>Tóm lại:</u> Cá có nhiều loại và có hình dạng và màu sắc khác nhau... .</p> <p>3. <u>Hướng dẫn học sinh vẽ cá:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Vẽ mình cá trước: Cá có nhiều loại nên mình cá cũng khác nhau, không nhất thiết vẽ giống nhau.</li> </ul> <p>Cho học sinh quan sát mẫu pháp hoạ của GV và nhận xét về mình cá.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Vẽ đuôi cá: Đuôi cá có thể vẽ khác nhau.</li> <li>+ Vẽ các chi tiết khác: mang cá, mắt cá, vây cá, vây cá.</li> <li>+ Vẽ màu vào cá.</li> </ul> <p>4. <u>Học sinh thực hành bài vẽ của mình.</u> GV giải thích thêm: Vẽ cá to vừa phải so với tờ giấy (trang vẽ ở vở tập vẽ), có thể vẽ một đàn cá gồm nhiều con cá to nhỏ khác nhau,</p>	<p>Vở tập vẽ, tẩy, chì,...</p> <p>Học sinh nhắc tựa.</p> <p>Học sinh QS tranh và nêu theo các loại cá trong tranh.</p> <p>Học sinh kể về các loại cá.</p> <p>Học sinh quan sát hình pháp hoạ và vẽ mình cá.</p> <p>Học sinh quan sát hình pháp hoạ và vẽ đuôi cá.</p> <p>Học sinh quan sát hình pháp hoạ và vẽ các chi tiết khác của con cá.</p> <p>Học sinh thực hành bài vẽ hoàn chỉnh con cá theo ý thích của mình.</p>

cách bơi mỗi con cũng khác nhau (con bơi ngang, con bơi ngược, con chúi xuống, con ngược lên).

GV theo dõi giúp một số học sinh yếu để hoàn thành bài vẽ của mình.

**5. Nhận xét đánh giá:**

GV hướng dẫn học sinh nhận xét một số bài vẽ về:

+ Hình vẽ.

+ Màu sắc.

Thu bài chấm.

Hỏi tên bài.

GV hệ thống lại nội dung bài học.

Nhận xét - Tuyên dương.

**6. Dẫn dò:** Bài thực hành ở nhà.



Học sinh cùng GV nhận xét bài vẽ của các bạn trong lớp.

Học sinh nêu lại cách vẽ cá.

Thứ            ngày            tháng            năm 20

**Môn : Học vần**

**BÀI : ÔN TẬP**

**I. Mục tiêu:** Sau bài học học sinh có thể:

- Hiểu được cấu tạo các vần đã học trong tuần.
- Đọc và viết một cách chắc chắn các vần có kết thúc bằng ng, nh.
- Đọc được từ và câu ứng dụng trong bài, các từ, câu có chứa vần đã học.
- Hiểu và kể tự nhiên một số tình tiết quan trọng trong truyện kể: Quạ và Công.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Bảng ôn tập các vần kết thúc bằng ng, nh
- Tranh minh họa các từ, câu ứng dụng, truyện kể: Quạ và Công..

**III. Các hoạt động dạy học :**

Hoạt động GV	Hoạt động HS
<p>1. <u>KTBC</u> : Hỏi bài trước.                      Đọc sách kết hợp bảng con.                      Viết bảng con.                      GV nhận xét chung.</p> <p>2. <u>Bài mới</u>:                      GV giới thiệu bảng ôn tập gọi học sinh cho biết vần trong khung là vần gì?                      Hai vần có gì khác nhau?                      Ngoài 2 vần trên hãy kể những vần kết thúc bằng ng và nh đã được học?                      GV gắn bảng ôn tập phóng to và yêu cầu học sinh kiểm tra xem học sinh nói đã đầy đủ các vần đã học kết thúc bằng ng và nh hay chưa.</p> <p>3. <u>Ôn tập các vần vừa học</u>:</p> <p>a) Gọi học sinh lên bảng chỉ và đọc các vần đã học.                      GV đọc và yêu cầu học sinh chỉ đúng các vần GV đọc (đọc không theo thứ tự).</p> <p>b) Ghép âm thành vần:                      GV yêu cầu học sinh ghép chữ cột dọc với các chữ ở các dòng ngang sao cho thích hợp để được các vần tương ứng đã học.                      Gọi học sinh chỉ và đọc các vần vừa ghép được.</p> <p>c) Đọc từ ứng dụng.                      Gọi học sinh đọc các từ ứng dụng trong bài: Bình minh, nhà rông, nắng chang</p>	<p>Học sinh nêu tên bài trước.                      HS cá nhân 6 -&gt; 8 em                      N1 : đình làng ; N2 : bệnh viện.</p> <p>Học sinh nhắc lại.                      Ang, anh                      Khác nhau : ang kết thúc bằng ng, anh kết thúc bằng nh.                      Học sinh nêu, GV ghi bảng.                      Học sinh kiểm tra đối chiếu và bổ sung cho đầy đủ.</p> <p>Học sinh chỉ và đọc 7 em.                      Học sinh chỉ theo yêu cầu của GV 5 em.</p> <p>Học sinh ghép và đọc, học sinh khác nhận xét.</p> <p>4 học sinh đọc.</p>

<p>chang (GV ghi bảng)                  GV sửa phát âm cho học sinh.                  GV đưa tranh hoặc dùng lời để giải thích các từ này cho học sinh hiểu (nếu cần)                  Bình minh: Buổi sáng sớm lúc mặt trời mọc.                  Nắng chang chang: Nắng to, nóng nực.                  Nhà rông: Nhà để tụ họp của người dân trong làng, bản dân tộc ở Tây Nguyên.</p> <p>d) Tập viết từ ứng dụng:                  GV hướng dẫn học sinh viết từ: bình minh, nhà rông. Cần lưu ý các nét nối giữa các chữ trong vần, trong từng từ ứng dụng...                  GV nhận xét và sửa sai.                  Gọi đọc toàn bảng ôn.                  4. <u>Củng cố tiết 1</u>:                  Hỏi vần mới ôn.                  Đọc bài.                  Tìm tiếng mang vần mới học.                  NX tiết 1</p> <p style="text-align: center;">Tiết 2</p> <p>Luyện đọc bảng lớp :                  Đọc vần, tiếng, từ lộn xộn                  Luyện câu : GT tranh rút câu ghi bảng:                  Trên trời mát trắng như bông                  Ở giữa cánh đồng bông trắng như mây.                  Máy cô má đỏ râu râu                  Đội bông như thể đội mây về làng.                  Gọi học sinh đọc.                  GV nhận xét và sửa sai.                  + <u>Kể chuyện</u>: Quạ và Công.                  GV gợi ý bằng hệ thống câu hỏi, giúp học sinh kể được câu chuyện Quạ và Công.                  GV kể lại câu chuyện cho học sinh nghe.                  GV treo tranh và kể lại nội dung theo từng bức tranh. Học sinh lắng nghe GV kể.                  GV hướng dẫn học sinh kể lại qua nội dung từng bức tranh.</p> <p>+ <u>GV kết luận</u>: Vội vàng hấp tấp, lại thêm tính tham lam nữa thì chẳng bao</p>	<p style="text-align: right;">Nghỉ giữa tiết.</p> <p>Toàn lớp viết.</p> <p>2 em.</p> <p>1 em.</p> <p>HS tìm tiếng mang vần kết thúc ng và nh trong câu, 4 em đánh vần, đọc trơn tiếng 4 em, đọc trơn toàn câu 7 em, đồng thanh.</p> <p>Học sinh kể chuyện theo nội dung từng bức tranh và gợi ý của GV.                  Học sinh khác nhận xét.</p>
------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------



**Giáo viên hỏi:** Đối với phép tính thực hiện theo cột dọc ta cần chú ý điều gì?

Cho học sinh làm VBT.

GV gọi học sinh chữa bài.

**Bài 2:** Gọi nêu yêu cầu của bài:

Gọi học sinh theo bàn đứng dậy mỗi em nêu 1 phép tính và kết quả của phép tính đó lần lượt từ bàn này đến bàn khác.

Giáo viên đặt câu hỏi để học sinh nêu tính chất giao hoán của phép cộng và mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ.

**Bài 3:** Học sinh nêu câu của bài:

Học sinh nêu lại cách thực hiện bài này.

**Bài 4:** Học sinh nêu câu của bài:

Ở dạng toán này ta thực hiện như thế nào?

GV phát phiếu bài tập 3 và 4 cho học sinh làm.

Gọi học sinh chữa bài ở bảng lớp.

**Bài 5:** Học sinh nêu câu của bài:

Cô treo tranh tranh, gọi nêu bài toán.

Gọi lớp làm phép tính ở bảng con.

Gọi nêu phép tính, cô ghi bảng.

#### 4. **Củng cố:**

Hỏi tên bài.

Gọi đọc bảng cộng và trừ trong phạm vi 7, hỏi miệng 1 số phép tính để khắc sâu kiến thức cho học sinh.

**Trò chơi:** Tiếp sức.

Điền số thích hợp theo mẫu.

Tổ chức theo 2 nhóm, mỗi nhóm 4 em, mỗi em chỉ điền vào một số thích hợp trong hình tròn sao cho tổng bằng 7.

Nhận xét trò chơi.

5. **Dặn dò:** Tuyên dương, dặn học sinh học bài, xem bài mới.

Học sinh nêu: viết các số thẳng cột với nhau.

Học sinh lần lượt làm các cột bài tập 1.

Học sinh chữa bài.

Học sinh thực theo yêu cầu của Giáo viên

$$6 + 1 = 7, \quad 5 + 2 = 7, \quad 4 + 3 = 7$$

$$1 + 6 = 7, \quad 2 + 5 = 7, \quad 3 + 4 = 7$$

$$7 - 6 = 1, \quad 7 - 5 = 2, \quad 7 - 4 = 3$$

$$7 - 1 = 6, \quad 7 - 2 = 5, \quad 7 - 3 = 4$$

Điền số thích hợp vào chỗ chấm.

Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm.

Học sinh làm phiếu học tập.

**Yêu cầu:** Học sinh viết được các phép tính như sau:

$$3 + 4 = 7, \quad 4 + 3 = 7, \quad 7 - 3 = 4, \quad 7 - 4 = 3$$

Học sinh nêu tên bài.

Học sinh đọc bảng cộng và trừ PV7

